

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Anh 3
- Mã học phần:** TANH 003
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 2
- Giảng viên**

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|---------------------------|---------------|-----------------------------|
| 1 | ThS. Trịnh Thị Chuyên | 0913601619 | chuyennna@gmail.com |
| 2 | ThS. Tăng Thị Hồng Minh | 0913592866 | Tang.huyminh@gmail.com |
| 3 | ThS. Vũ Thị Lương | 0989670521 | Luongnn78@gmail.com |
| 4 | ThS. Phạm Thị Huyền Trang | 0977612288 | Trang.phamhuyen88@gmail.com |
| 5 | ThS. Trần Hoàng Yến | 0986596586 | yendhsd@gmail.com |
| 6 | ThS. Ngô Thị Mỹ Bình | 0984188873 | tienganhmybinhsd@gmail.com |
| 7 | ThS. Trần Thị Mai Hương | 0389182331 | huongtrakhanhhung@gmail.com |

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
| MT1 | Kiến thức | | |
| | Trình bày kiến thức về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản về các thì của động từ, từ loại, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, các mệnh đề, so sánh. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, công việc hàng ngày về biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc, giao tiếp. | 3 | [1.2.1.1b] |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| | Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản về bản thân, gia đình, bạn bè, giải trí, thể thao, ăn uống, học tập, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày. | 3 | [1.2.2.3] |
| MT3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| | Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. | 4 | [1.2.3.1] |

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CĐR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| CĐR1 | Kiến thức | | |
| CĐR1.1 | Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc. | 3 | [2.1.2] |
| CĐR1.2 | Trình bày được các trường hợp trong sự hòa hợp | | |

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| | giữa chủ ngữ và động từ. | | |
| CDR1.3 | Nêu được cấu tạo, cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh: Động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, tính từ, danh từ, đại từ... | | |
| CDR1.4 | Phân biệt được các thì của động từ trong tiếng Anh. Trình bày được cấu trúc, cách dùng, dấu hiệu nhận biết của từng thì. | | |
| CDR1.5 | Xác định đúng các loại câu điều kiện, câu giả định, các trợ động từ, động từ khuyết thiếu... | | |
| CDR1.6 | Phân biệt được các loại mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ. | | |
| CDR1.7 | Phân biệt được các cặp từ, nhóm từ dễ nhầm lẫn trong tiếng Anh. | | |
| CDR2 | Kỹ năng | | |
| CDR2.1 | Nghe, tìm từ khóa với dạng bài miêu tả tranh bằng cách trả lời các câu hỏi: Ai? Ở đâu? Cái gì? Thế nào? Bao nhiêu? ... | | |
| CDR2.2 | Nghe hiểu dạng bài hỏi-đáp, hội thoại để nhận biết về thời gian, ý kiến, thái độ, thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do hoặc nơi chốn. | | |
| CDR2.3 | Đọc hiểu thông tin trong các văn bản sử dụng trong giao dịch, bản tin quảng cáo, thư từ, biểu đồ, báo cáo, bài báo về các chủ điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, giao tiếp và trong công việc hàng ngày. | 3 | [2.2.6] |
| CDR2.4 | Giới thiệu bản thân với các thông tin cơ bản, quê quán, gia đình, sở thích, diện mạo, khả năng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch. | | |
| CDR2.5 | Thuyết trình về các chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày: Bạn bè, thể thao, ăn uống, du lịch, học tập, gia đình. | | |

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| CDR2.6 | Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, công việc. | | |
| CDR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CDR3.1 | Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập. | 4 | [2.3.1] |
| CDR3.2 | Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu. | | |
| CDR3.3 | Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả. | | |
| CDR3.4 | Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. | | |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Chương / bài | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------|-----------------------------------|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | CĐR1 | | | | | | | CĐR2 | | | | | | CĐR3 | | |
| | | CĐR 1.1 | CĐR 1.2 | CĐR 1.3 | CĐR 1.4 | CĐR 1.5 | CĐR 1.6 | CĐR 1.7 | CĐR 2.1 | CĐR 2.2 | CĐR 2.3 | CĐR 2.4 | CĐR 2.5 | CĐR 2.6 | CĐR 3.1 | CĐR 3.2 | CĐR 3.3 |
| 1 | Unit 1 - Present tense | x | | | x | | | x | x | x | x | x | | x | x | x | x |
| 2 | Unit 2 - Past tense | x | | | x | | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |
| 3 | Unit 3 - Gerunds/ Infinitives | x | | x | | | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |
| 4 | Unit 4 - Subject - Verb Agreement | x | x | | | | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |
| 5 | Unit 5- Auxiliaries | x | | | | x | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |
| 6 | Unit 6 - Relative Pronouns | x | | x | | | x | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |
| | Unit 7 - Nouns / | x | | x | | | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x |

| Chương / bài | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------------|----------------------|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | CĐR1 | | | | | | | CĐR2 | | | | | | CĐR3 | | | |
| | | CĐR 1.1 | CĐR 1.2 | CĐR 1.3 | CĐR 1.4 | CĐR 1.5 | CĐR 1.6 | CĐR 1.7 | CĐR 2.1 | CĐR 2.2 | CĐR 2.3 | CĐR 2.4 | CĐR 2.5 | CĐR 2.6 | CĐR 3.1 | CĐR 3.2 | CĐR 3.3 | CĐR 3.4 |
| | Pronouns | | | | | | | | | | | | | | | | | |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi |
|--------------|--|
| CĐR1 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên |
| CĐR2 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần |
| CĐR3 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên |

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần | 01 điểm | 20% | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa học phần | 01 điểm | 30% | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | 01 điểm | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] Anne Taylor Garrett Byrne (2007), *Very Easy TOEIC, second edition*, Compass Publishing

Tài liệu tham khảo:

[2] Kim Soyeong - Park Won (2008), *Big Step TOEIC 1*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|---|-----------------|---|--|
| 1 | <p>Unit 1 - Present tense</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành.- Hiểu được cách sử dụng giới từ “ at”- Làm được bài tập ngữ pháp về các thì.- Biết cách làm bài tập nghe.- Hiểu cách làm bài tập đọc dạng hoàn thành câu, hoàn thành đoạn và bài tập đọc hiểu.- Trình bày được bài nói giới thiệu bản thân. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Grammar focus:</p> <ul style="list-style-type: none">1.1.1. Present tense1.1.2. Preposition: At1.1.3. Grammar exercise <p>1.2. Listening:</p> <ul style="list-style-type: none">1.2.1. Part 1 Picture description1.2.2. Part 2 Questions and Response1.2.3. Part 3 Short conversation <p>1.3. Reading:</p> <ul style="list-style-type: none">1.3.1. Part 5 Incomplete sentences1.3.2. Part 6 Incomplete texts | 4 (4LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giải thích cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành.+ Nêu cách sử dụng giới từ “at”, hướng dẫn sinh viên phân biệt nghĩa của từ trong các hoàn cảnh khác nhau.+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 1 trang 15-16; [2]: Mục 3 trang 178+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 1, Part 5, 6, 7 trang 22-28. | CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|--|-----------------|---|--|
| | 1.3.3. Part 7 Reading comprehension 1.4. Speaking: Introduce yourself. | | | |
| 2 | Unit 2 - Past tense Mục tiêu: - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành. - Làm được các bài tập thực hành ngữ pháp. - Nghe và làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được bài tập đọc hiểu. - Thuyết trình về kỳ nghỉ gần đây. Nội dung cụ thể 2.1. Grammar focus: 2.1.1. Vocabulary 2.1.2. Past tense 2.1.3. Grammar exercise 2.2. Listening: 2.2.1. Part 1 Picture description 2.2.2. Part 2 Questions and Response 2.2.3. Part 3 Short conversation 2.3. Reading: 2.3.1. Part 5 Incomplete sentences 2.3.2. Part 6 Incomplete texts 2.3.3. Part 7 Reading comprehension 2.4. Speaking: Talk about | 4 (4LT, 0TH) | Thuyết trình; Đặt vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2 trang 29, 30 [2]: Mục 1 trang 172 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 2, part 3,4,5,6,7 trang 32-44 | CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|---|-----------------|--|--|
| | your last holiday | | | |
| 3 | <p>Unit 3 - Gerunds/Infinitives</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày sự khác nhau trong cách sử dụng giữa động từ nguyên thể và danh động từ. - Làm được các bài tập thực hành. - Nghe và làm các bài tập nghe - Hiểu và làm các bài tập đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Grammar focus:</p> <p>3.1.1. Vocabulary</p> <p>3.1.2. Gerunds / Infinitives</p> <p>3.1.3. Grammar exercise</p> <p>3.2. Listening:</p> <p>3.2.1. Part 1 Picture description</p> <p>3.2.2. Part 2 Questions and Response</p> <p>3.2.3. Part 3 Short conversation</p> <p>3.2. Listening:</p> <p>3.2.1. Part 1 Picture description</p> <p>3.2.2. Part 2 Questions and Response</p> <p>3.2.3. Part 3 Short conversation</p> <p>3.3.1. Part 5 Incomplete sentences</p> <p>3.3.2. Part 6 Incomplete texts</p> | 4 (4LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Tổ chức thảo luận nhóm;</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt cách sử dụng động từ nguyên thể và danh động từ. + Thuyết trình hướng dẫn cách trình bày bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi. + Tổ chức hoạt động nhóm cho SV. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 3 trang 43, 44 [2]: Mục 1, 2 trang 118-124 + Luyện nghe, đọc trang 46-56. | CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|---|----------------------|--|--|
| | 3.3.3. Part 7 Reading comprehension 3.4. Speaking: Talk about your free time activities | | | |
| 4 | Unit 4 – Subject - Verb Agreement Mục tiêu: - Trình bày được các quy tắc phối hợp giữa chủ ngữ và động từ. - Hiểu được sự khác nhau giữa danh động từ và động từ nguyên thể. - Hiểu yêu cầu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được về chủ đề cuộc sống ở thành phố. Nội dung cụ thể: 4.1. Grammar focus: 4.1.1. Vocabulary 4.1.2. Gerunds / Infinitives 4.1.3. Grammar exercise 4.2. Listening: 4.2.1. Part 1 Picture description 4.2.2. Part 2 Questions and Response 4.2.3. Part 3 Short conversation 4.3. Reading: 4.3.1. Part 5 Incomplete sentences 4.3.2. Part 6 Incomplete texts 4.3.3. Part 7 Reading comprehension 4.4. Speaking: Talk about the life in the city | 6 (4LT, 0TH, 2KT) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các trường hợp về sự hòa hợp chủ ngữ-động từ. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 4 trang 57, 58 [2]: Mục 1,2 trang 162-163 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 4 part 1-7 trang 60-70 | CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|--|-----------------|--|--|
| 5 | <p>Unit 5 – Auxiliaries</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nghĩa của các từ vựng. - Trình bày được cách sử dụng của động từ khuyết thiếu. - Hiểu và làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được về chủ đề dự định trong tương lai của bạn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. Grammar focus:</p> <p>5.1.1. Vocabulary</p> <p>5.1.2. Auxiliaries</p> <p>5.1.3. Grammar exercise</p> <p>5.2. Listening:</p> <p>5.2.1. Part 1 Picture description</p> <p>5.2.2. Part 2 Questions and Response</p> <p>5.2.3. Part 3 Short conversation</p> <p>5.3. Reading:</p> <p>5.3.1. Part 5 Incomplete sentences</p> <p>5.3.2. Part 6 Incomplete texts</p> <p>5.3.3. Part 7 Reading comprehension</p> <p>5.4. Speaking:</p> <p>Talk about your plan for the future</p> | 4 (4LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, cặp</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cách sử dụng của trợ động từ. + Đưa nội dung tranh luận. + Tổ chức thảo luận + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 trang 71, 72 [2]: Mục 1,2 trang 126, 127 + Lắng nghe, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 5, trang 73-84 | CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |
| 6 | <p>Unit 6 – Relative Pronouns</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách sử dụng của mệnh đề quan hệ. | 4 (4LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> | CĐR1.1, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|--|-------------------------|---|--|
| | <p>- Hiểu được các mệnh đề quan hệ khác nhau.</p> <p>- Làm được các bài tập nghe.</p> <p>- Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu.</p> <p>- Trình bày được bài nói về chủ đề: Tầm quan trọng của Tiếng Anh.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Grammar focus:</p> <p>6.1.1. Vocabulary</p> <p>6.1.2. Relative pronouns</p> <p>6.1.3. Grammar exercise</p> <p>6.2. Listening:</p> <p>6.2.1. Part 1 Picture description</p> <p>6.2.2. Part 2 Questions and Response</p> <p>6.2.3. Part 3 Short conversation</p> <p>6.3. Reading:</p> <p>6.3.1. Part 5 Incomplete sentences</p> <p>6.3.2. Part 6 Incomplete texts</p> <p>6.3.3. Part 7 Reading comprehension</p> <p>6.4. Speaking: Talk about the importance of learning English</p> | | <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giải thích các cấu trúc, các sử dụng đại từ quan hệ.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 6 trang 85, 86</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 6, Part 1-7 trang 88-98</p> | <p>CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p> |
| | <p>Unit 7 – Nouns / Pronouns</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày được sự khác nhau giữa danh từ và đại từ.</p> <p>- Làm được các bài tập thực hành.</p> <p>- Hiểu và làm được các bài tập nghe.</p> | <p>4 (4LT, 0TH)</p> | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giải thích cấu tạo từ và vai trò của danh từ, đại từ trong câu.</p> <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ,</p> | <p>CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6,</p> |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|---|---------|---|--|
| | <p>- Làm được các bài tập đọc hiểu</p> <p>- Nói được về chủ đề môn thể thao mà bạn yêu thích nhất.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Grammar focus:</p> <p>7.1.1. Vocabulary</p> <p>7.1.2. Nouns / Pronouns</p> <p>7.1.3. Grammar exercise</p> <p>7.2. Listening:</p> <p>7.2.1. Part 1 Picture description</p> <p>7.2.2. Part 2 Questions and Response</p> <p>7.2.3. Part 3 Short conversation</p> <p>7.3. Reading:</p> <p>7.3.1. Part 5 Incomplete sentences</p> <p>7.3.2. Part 6 Incomplete texts</p> <p>7.3.3. Part 7 Reading comprehension</p> <p>7.4. Speaking:</p> <p>Talk about your favorite sport</p> | | <p>hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 7 trang 99, 100 [2]: Mục 1, 2 trang 150-151</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 7, Part 1-7 trang 102-112.</p> | CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên